

Số: 35/NQ-HĐND

Bình Thủy, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH THỦY
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các xã, phường;

Xét Tờ trình số 1574 /TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của phường Bình Thủy, như sau:

A. PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU

Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn phường Bình Thủy là 211.245 triệu đồng, được phân bổ như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2026:	211.245
Bao gồm:	
- Thu thuế - phí, lệ phí:	208.775
- Thu khác ngân sách:	2.470
2. Tổng thu ngân sách cấp phường năm 2026:	246.326
Bao gồm:	
- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	90.290
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	156.036

(Kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II)



B. DỰ TOÁN CHI

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 là 246.326 triệu đồng, được phân bổ như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

1. Chi cân đối ngân sách năm 2026 theo lĩnh vực:	238.766
- Chi đầu tư phát triển:	41.191
- Chi thường xuyên:	192.893
<i>Trong đó:</i>	
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	127.711
<i>Chi sự nghiệp giáo dục:</i>	126.711
+ Chi khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:	300
- Dự phòng ngân sách:	4.682
2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên năm 2026:	7.560
<i>Trong đó:</i>	
+ Chi sự nghiệp giáo dục	1.153
+ Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.107
+ Chi nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	300
<i>(Kèm theo Phụ lục III, IV, V và Phụ lục VI)</i>	

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy khóa XII, kỳ họp thứ Tư thông qua và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng HĐND thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- KBNN khu vực XIX;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Thường trực UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, ngành phường;
- Thuế cơ sở 3 thành phố Cần Thơ;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT. DL

CHỦ TỊCH



Phan Thị Nguyệt

Phụ lục I
CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>	<i>5=3/2</i>
I	Nguồn thu ngân sách	229.225	260.519	246.326	-14.193	94,55
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	8.782	40.076	90.290	50.214	225,30
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	208.429	208.429	156.036	-52.393	74,86
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	130.702	130.702	101.825	-28.877	77,91
-	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương			46.651	46.651	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	77.727	77.727	7.560	-70.167	9,73
3	Thu kết dư	2.258	2.258		-2.258	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	9.756	9.756		-9.756	
II	Chi ngân sách	226.967	219.624	246.326	19.359	113,40
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách phường	217.210	213.210	246.326	29.116	113,40
2	Chi từ thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	9.756	6.414		-9.756	



Phụ lục II

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG
THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)*

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Dự toán thành phố giao	Dự toán HĐND phường giao
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
*	TỔNG CỘNG (A + B)	211.245	211.245
A	THU NỘI ĐỊA (I+II+III+IV)	211.245	211.245
I	Thu thuế - phí, lệ phí	208.775	208.775
1	Thu từ các DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ các DNNN do địa phương quản lý	1.435	1.435
	- Thuế giá trị gia tăng	655	655
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	780	780
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thuế khu vực CTN, dịch vụ ngoài QĐ	65.800	65.800
	- Thuế giá trị gia tăng	54.560	54.560
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.130	11.130
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	110	110
	- Thuế tài nguyên		
a	Doanh nghiệp	56.320	56.320
	- Thuế giá trị gia tăng	45.190	45.190
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.130	11.130
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế tài nguyên		
b	Hộ cá thể	9.480	9.480
	- Thuế giá trị gia tăng	9.370	9.370
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	110	110
5	Thu tiền sử dụng đất	60.500	60.500
6	Thu tiền thuê đất		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.950	2.950
8	Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		
9	Thuế thu nhập cá nhân	37.665	37.665
10	Lệ phí trước bạ	40.000	40.000
11	Phí - lệ phí	425	425
a	Phí trung ương	330	330
b	Phí địa phương	95	95
12	Thuế bảo vệ môi trường		

Số TT	CHỈ TIÊU	Dự toán thành phổ giao	Dự toán HĐND phường giao
1	2	3	4
II	Thu khác ngân sách	2.470	2.470
	- Thu khác NS trung ương	2.370	2.370
	- Thu khác NS địa phương	100	100
B	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU		

Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	246.326
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	238.766
I	Chi đầu tư phát triển	41.191
a	Từ nguồn tiền sử dụng đất	8.238
b	Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.059
c	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	9.894
II	Chi thường xuyên	192.893
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	127.711
2	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	300
III	Dự phòng ngân sách	4.682
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	7.560
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.560
1	Chi đầu tư	
2	Chi thường xuyên	7.560
	- Vốn ngoài nước	
	- Vốn trong nước	7.560
	+ Sự nghiệp giáo dục	1.153
	+ Sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.107
	+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	300

Phụ lục IV
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
*(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	246.326
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	238.766
I	Chi đầu tư phát triển	41.191
II	Chi thường xuyên	192.893
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	127.711
	- Chi sự nghiệp giáo dục	126.711
	- Chi đào tạo	1.000
2	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	300
3	Chi quốc phòng	4.180
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.263
5	Chi y tế, dân số và gia đình	
6	Chi văn hóa thông tin	1.704
7	Chi phát thanh	631
8	Chi thể dục thể thao	631
9	Chi bảo vệ môi trường	2.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	4.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.493
12	Chi bảo đảm xã hội	15.177
13	Chi thường xuyên khác	3.803
III	Dự phòng ngân sách	4.682
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	7.560
I	Chi đầu tư:	
II	Chi sự nghiệp	7.560
1	Vốn ngoài nước	
2	Vốn trong nước	7.560
	<i>Trong đó:</i>	
	+ Sự nghiệp giáo dục	1.153
	+ Sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.107
	+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	300

Phụ lục V

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1 = 2+...+6 + 9</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
	TỔNG SỐ	246.326	41.191	192.893	4.682	-	7.560	-	7.560	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	241.644	41.191	192.893	-	-	7.560	-	7.560	-
1	Văn phòng Đảng ủy	8.714		8.714			-			
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	5.373		5.373			-			
3	Văn phòng HĐND và UBND	11.211		11.171			40		40	
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4.340		4.340			-			
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	18.652		18.652			-			
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	1.748		1.748			-			
7	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	1.100		1.100			-			
8	Trung tâm Chính trị	500		500			-			
9	Trường Mầm non Sơn Ca	5.334		5.334			-			
10	Trường Mầm non Hòa Mi	5.485		5.485			-			
11	Trường Mầm non Bình Thủy	5.658		5.658			-			
12	Trường Mầm non Phong Lan	6.532		6.532			-			
13	Trường Tiểu học Bình Thủy	11.907		11.907			-			
14	Trường Tiểu học Bình Thủy 2	10.837		10.837			-			
15	Trường Tiểu học An Thới 1	12.606		12.606			-			
16	Trường Tiểu học An Thới 2	14.036		14.036			-			
17	Trường Trung học cơ sở Bình Thủy	17.020		17.020			-			
18	Trường Trung học cơ sở An Thới	24.908		23.855			1.053		1.053	
19	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Công an	40		40			-			
20	Sự nghiệp môi trường	1.960		1.960			-			
21	Sự nghiệp kinh tế	2.500		2.500			-			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I = 2+...+6 + 9</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
22	Hỗ trợ chi phí học tập	100		-			100		100	
23	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.107		-			6.107		6.107	
24	Nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	260					260		260	
25	Quỹ tiền thưởng Nghị định 73/2024/NĐ-CP	50		50						
26	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ phát sinh	23.475		23.475						
27	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết	41.191	41.191	-						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	4.682			4.682					

Phụ lục VI
DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Tổng số	Chi Giáo dục và Đào tạo	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi văn hóa Thông tin	Chi Phát thanh	Chi Thể dục Thể thao	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi đảm bảo xã hội	Chi khác	Tiết kiệm CTX
A	B	$I=2^{+m}+13$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	200.453	128.864	300	4.180	2.563	1.704	631	631	30.493	2.000	4.000	21.284	3.803	7.142
1	Văn phòng Đảng ủy	8.714								8.714					164
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	5.373								5.373					155
3	Văn phòng HĐND và UBND	11.211			3.340	1.040				6.831					218
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4.340								2.800	40	1.500			134
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	18.652	104	100			400	100		2.995			13.953	1.000	237
6	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	1.748								1.748					73
7	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	1.100					800		300						91
8	Trung tâm Chính trị	500	500												20
9	Trường Mầm non Sơn Ca	5.334	5.334												171
10	Trường Mầm non Hòa Mi	5.485	5.485												184
11	Trường Mầm non Bình Thủy	5.658	5.658												184
12	Trường Mầm non Phong Lan	6.532	6.532												226
13	Trường Tiểu học Bình Thủy	11.907	11.907												359
14	Trường Tiểu học Bình Thủy 2	10.837	10.837												333
15	Trường Tiểu học An Thới 1	12.606	12.606												359
16	Trường Tiểu học An Thới 2	14.036	14.036												386
17	Trường Trung học cơ sở Bình Thủy	17.020	17.020												452
18	Trường Trung học cơ sở An Thới	24.908	24.908												678

STT	ĐƠN VỊ	Tổng số	Chi Giáo dục và Đào tạo	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi văn hóa Thông tin	Chi Phát thanh	Chi Thể dục Thể thao	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi đảm bảo xã hội	Chi khác	Tiết kiệm CTX
A	B	$I=2+...+13$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
19	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Công an	40													
20	Sự nghiệp môi trường	1.960												40	
21	Sự nghiệp kinh tế	2.500									1.960				195
22	Hỗ trợ chi phí học tập	100	100									2.500			390
23	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	6.107													
24	Nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	260				260							6.107		
25	Quỹ tiền thưởng Nghị định 73/2024/NĐ-CP	50								50					
26	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ phát sinh	23.475	13.837	200	840	1.263	504	531	331	1.982			1.224	2.763	2.133

Ghi chú:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là mức chi tối thiểu.
- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 để thực hiện cải cách tiền lương là 3.732 triệu đồng.
- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên năm 2025 để thực hiện chi các chính sách an sinh xã hội là 3.410 triệu đồng.
- Dự toán chi ngân sách cấp phường tính theo mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.